

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2025/HNGĐ - ST

Ngày: 19/12/2025

Về việc: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Xuân Dự.

2. Bà Phạm Thị Phương.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thúy Lan là thư ký Tòa án khu vực 4
- Ninh Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình tham gia
phiên tòa:** Ông Ninh Trọng Khánh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án khu vực 4 - Ninh Bình
xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 93/2025/TLST- HNGĐ ngày 23
tháng 10 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quyết
định đưa vụ án ra xét xử số **22/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm
2025** giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Trần Thị T, sinh ngày 25/7/1992. Số hộ chiếu:
Q006103xx do Đ1 tại S cấp ngày 08/03/2025. ĐKKHKT: Thôn P, phường Đ,
tỉnh Ninh Bình. Nơi ở hiện tại: Số A, phố U, tầng B1 - 05 Trung tâm People's
Park, S.

Người đại diện theo uỷ quyền nhận, nộp văn bản tố tụng của chị T: Ông
Trần Hữu T1. Địa chỉ liên hệ: Số B T, phường K, quận Đ, thành phố Hà Nội.
Nay là phường K, thành phố Hà Nội.

Ông Phạm Văn Đ. Địa chỉ liên hệ: Số B T, phường K, quận Đ, thành phố
Hà Nội. Nay là phường K, thành phố Hà Nội.

(Theo giấy uỷ quyền ngày 22/5/2025 tại Đ1 tại S).

-**Bị đơn:** Anh Đinh Văn V, sinh năm 1989; Căn cước công dân số:
0370890076xx do Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
nơi ngày 29/4/2021.

Địa chỉ: Thôn P, phường Đ, tỉnh Ninh Bình.

Chị T, anh V có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, chị Trần Thị T là nguyên đơn trình bày: Chị và anh Đinh Văn V đăng ký kết hôn ngày 16 tháng 11 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình cũ nay là phường Đ, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên cãi vã, nên hôn nhân hết sức nặng nề. Quá trình xảy ra mâu thuẫn vợ chồng chị đã cố gắng nhiều lần nói chuyện với nhau để giải quyết mâu thuẫn và cho nhau thêm cơ hội hàn gắn nhưng mâu thuẫn vẫn không được giải quyết. Từ năm 2018 đến nay vợ chồng anh chị sống ly thân nhau và không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Đinh Văn V để chị ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh Đinh Văn V có một con chung cháu Đinh Thị Thu N, sinh ngày 27 tháng 09 năm 2012 hiện đang ở cùng với anh V. Nay ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cháu N cho anh V tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng chị và anh V tự thỏa thuận về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề nghị Tòa xem xét giải quyết,

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Trong bản tự khai bị đơn trong vụ án là anh Đinh Văn V trình bày: Anh và chị Trần Thị T đăng ký kết hôn ngày 16 tháng 11 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình cũ nay là phường Đ, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng với nhau về mọi mặt trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Quá trình xảy ra mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã cố gắng nhiều lần nói chuyện với nhau để giải quyết mâu thuẫn nhưng không được cuộc sống vợ chồng ngày càng không có tiếng nói chung. Đến năm 2018 đến nay vợ chồng anh chị sống ly thân nhau và không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, nay chị T xin ly hôn anh nhất trí, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho hai bên được ly hôn.

Về con chung: Anh và chị Trần Thị T có một con chung cháu Đinh Thị Thu N, sinh ngày 27 tháng 09 năm 2012 hiện đang ở cùng với anh V. Nay ly

hôn anh V đề nghị Tòa án giao cháu N cho anh tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Anh không yêu cầu chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Con chung của T và anh V là Đinh Thị Thu N, sinh ngày 27 tháng 09 năm 2012 biên bản ghi nguyện vọng cháu N muốn ở với bố là anh V khi bố mẹ ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 144 khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị T ly hôn anh Đinh Văn V.

- Về con chung: Giao cho anh Đinh Văn V tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu Đinh Thị Thu N, sinh ngày 27 tháng 09 năm 2012. Chị T không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu N và có quyền đi lại thăm nom con chung.

- Án phí: Chị Trần Thị T nộp án phí ly hôn sơ thẩm để sung ngân sách nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị T có đơn khởi kiện về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Đinh Văn V, sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn P, phường Đ, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân khu vực 4 – Ninh Bình thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn chị Trần Thị T và vắng mặt bị đơn anh Đinh Văn V. Chị T, anh V có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, để đảm bảo

quyền lợi của các đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Đinh Văn V có đăng ký kết hôn ngày 16 tháng 11 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình cũ nay là phường Đ, tỉnh Ninh Bình Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh V là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn quá trình vợ chồng chung sống đã phát sinh mâu thuẫn. Cả chị T và anh V đều thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn do cuộc sống luôn bất đồng quan điểm, bản thân anh chị đã có nhiều biện pháp nhưng không khắc phục được mâu thuẫn, cuộc sống gia đình không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và không còn khả năng hàn gắn nên anh chị đồng ý thỏa thuận thuận tình ly hôn. Đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Chị T và anh V có một con chung là cháu Đinh Thị Thu N, sinh ngày 27 tháng 09 năm 2012. Nay ly hôn chị T và anh V thống nhất đề nghị Tòa án giao cháu Đinh Thị Thu N, sinh ngày 27 tháng 09 năm 2012 cho anh Đinh Văn V tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng chị T không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu N. Đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thống nhất việc giao con sau khi ly hôn giữa chị T và anh V như vậy là phù hợp với với điều 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình và phù hợp với mong muốn nguyện vọng của con cũng như phù hợp với thực tế điều kiện nuôi dưỡng con của các bên đương sự.

[4]. Về tài sản chung (riêng), công nợ: Chị T và anh V không có tài sản chung (riêng) và công nợ chung nên nay ly hôn anh chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí: Căn cứ Điều 144, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Trần Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Đinh Văn V. (Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh V chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật)

2. Về con chung: Giao cháu Đinh Thị Thu N, sinh ngày 27 tháng 09 năm 2012 cho anh Đinh Văn V tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Chị T không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu N, chị T có quyền đi lại thăm nom con chung. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Cha mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung (riêng), công nợ: Chị T và anh V không có tài sản chung (riêng) và công nợ chung nên nay ly hôn anh chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Chị Trần Thị T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002097 ngày 23 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh Ninh Bình.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND khu vực 4 0 Ninh Bình.
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Ninh Bình.
- UBND phường Đ, Tỉnh Ninh Bình
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Khanh